

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 1592/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 04 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng
và xử lý dữ liệu giám sát tàu cá tỉnh Nghệ An**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 24/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế phối hợp liên ngành giữa các ban, bộ, ngành và Ủy ban nhân dân 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển trong trao đổi, xử lý thông tin nhằm ngăn chặn, tiến tới chấm dứt tình hình tàu cá Việt Nam vi phạm các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) ở vùng biển nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TCTS-TTTS ngày 17/10/2019 của Tổng cục Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu giám sát tàu cá từ Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá tại Tổng cục Thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3341/TTr-SNNMT-TSKN ngày 30/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng và xử lý dữ liệu giám sát tàu cá tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã ven biển, Chủ tịch UBND các xã, phường ven biển và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng và xử lý dữ liệu
giám sát tàu cá tỉnh Nghệ An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 04/6/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng và xử lý dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân được quản lý, sử dụng hệ thống giám sát tàu cá; khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá.

Điều 2. Quản lý hệ thống giám sát tàu cá và bảo mật dữ liệu hệ thống giám sát tàu cá

1. Quản lý hệ thống giám sát tàu cá: Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 559/QĐ-TCTS-TTTS ngày 17/10/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá tại Tổng cục Thủy sản (nay là Cục Thủy sản và Kiểm ngư).

2. Bảo mật dữ liệu hệ thống giám sát tàu cá

Dữ liệu hệ thống giám sát tàu cá thuộc phạm vi bí mật nhà nước, các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập hệ thống giám sát tàu cá không được chia sẻ thông tin cho bên thứ ba và thực hiện chế độ bí mật theo quy định.

Điều 3. Quản lý dữ liệu giám sát tàu cá

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức quản lý, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh; quản lý, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá của địa phương khác khi hoạt động trên vùng biển thuộc địa bàn quản lý; khai thác cơ sở dữ liệu giám sát hành trình phục vụ công tác quản lý tàu cá, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm trên địa bàn quản lý.

b) Xử lý dữ liệu giám sát tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét.

c) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá (tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình tàu cá, tàu cá vượt qua ranh giới cho phép trên biển) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên khi được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng các hình thức như: văn bản, thư điện tử, điện thoại.

d) Không cung cấp, chia sẻ thông tin cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Phân quyền cho tổ chức quản lý tại các cảng cá thuộc tỉnh (do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, công bố) được phép khai thác, sử dụng dữ liệu từ hệ thống giám sát tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan được trang bị các thiết bị cần thiết để tiếp nhận thông tin về dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh và phối hợp xử lý dữ liệu giám sát tàu cá.

Điều 4. Khai thác thông tin từ hệ thống giám sát tàu cá

Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, Quyết định số 559/QĐ-TCTS-TTTS ngày 17/10/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của Hệ thống giám sát tàu cá tại Tổng cục Thủy sản (nay là Cục Thủy sản và Kiểm ngư).

Chương II

NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Tập trung, thống nhất sự chỉ huy, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Kịp thời, thiết thực, hiệu quả, đoàn kết, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành nhiệm vụ.

3. Có trách nhiệm bảo vệ, giữ bí mật về lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết trên cơ sở thẩm quyền được giao. Nếu chưa đồng thuận phải tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Tiếp nhận, phát hiện, trích xuất, phân tích, đánh giá, cung cấp, trao đổi và xử lý thông tin tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

tàu cá vượt qua ranh giới cho phép trên biển; tàu cá phát cảnh báo cầu cứu hoặc khẩn cấp và một số trường hợp khác theo quy định.

2. Kiểm tra, giám sát, xác minh lịch sử hành trình hoạt động tàu cá và kết luận vụ việc; xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Cung cấp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước; tham mưu, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên và quy định của pháp luật về giám sát hành trình tàu cá. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của tàu cá thuộc hệ thống giám sát tàu cá.

Điều 7. Phương thức phối hợp

1. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên phối hợp với cơ quan đầu mối trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động giám sát hành trình tàu cá; chủ động thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý nhà nước về hoạt động giám sát hành trình tàu cá trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Các cơ quan chủ trì, phối hợp phải thường xuyên trao đổi thông tin, kịp thời đề xuất về các nội dung cần phối hợp, thống nhất, triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ và hiệu quả.

3. Theo tính chất, quy mô của từng vụ việc cụ thể, cơ quan chủ trì ban hành văn bản, hoặc trao đổi trực tiếp thông qua các phương tiện thông tin liên lạc để đề nghị phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Đối với những vụ việc cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì chủ động thực hiện hoạt động phối hợp bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tuân thủ trình tự, thủ tục giải quyết theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ

DỮ LIỆU HỆ THỐNG GIÁM SÁT TÀU CÁ

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, trực ban 24/24 giờ Hệ thống giám sát tàu cá, phát hiện, xử lý thông tin, trích xuất, phân tích, đánh giá dữ liệu Hệ thống giám sát tàu cá; tiếp nhận thông tin liên quan của cơ quan cấp trên liên quan đến tàu cá trong tỉnh và thực hiện thông báo hàng ngày.

2. Rà soát, sàng lọc thông tin tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình, cung cấp kịp thời bằng văn bản, thư điện tử đến Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện, các đồn Biên phòng tuyến biển, các cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan để làm căn cứ điều tra, xác minh, kết luận vụ việc và xử lý (nếu có) đối với: tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình quá 06 giờ trên biển nhưng không báo cáo vị trí theo quy định; tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 10 ngày không đưa tàu về bờ; tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 6 tháng; tàu cá vượt qua ranh giới cho phép trên biển (thông báo hàng ngày của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư); tàu cá phát cảnh báo cầu cứu hoặc khẩn cấp.

Trường hợp các tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình, tàu cá vượt qua ranh giới cho phép trên biển nếu chưa được xử lý, thì định kỳ trong 7÷10 ngày làm việc tổng hợp danh sách thông báo bằng văn bản đến Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện, các Đoàn Biên phòng tuyến biển, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm căn cứ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý đến cùng.

3. Chỉ đạo Ban quản lý Cảng cá Nghệ An; các Tổ công tác Liên ngành Thanh tra kiểm soát nghề cá tại các cảng cá:

- Tiếp nhận các thông báo hàng ngày của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, chủ động phối hợp thông báo với chủ tàu/thuyền trưởng biết về tình trạng tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển, vượt qua ranh giới cho phép trên biển và thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20, Điều 1, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tàu cá cập/rời cảng, trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì kiểm tra, xác minh và kết luận đối với: tàu cá khai thác sai vùng, tàu cá có nhật ký khai thác ghi sai so với dữ liệu trên Hệ thống giám sát tàu cá; xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Tổng hợp báo cáo kết quả xác minh, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến Hệ thống giám sát tàu cá theo quy định.

Điều 9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

1. Tiếp nhận các thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư) và các đơn vị liên quan, phối hợp thông báo với chủ tàu/thuyền trưởng biết về tình trạng tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển, vượt qua ranh giới cho phép trên biển và thực hiện theo quy

định tại Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20, Điều 1, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ.

Trường hợp trực tiếp phát hiện thì chủ động thông báo với chủ tàu/thuyền trưởng biết về tình trạng tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển, vượt qua ranh giới cho phép trên biển và thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20, Điều 1, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ.

2. Chủ trì kiểm tra, xác minh và kết luận đối với: tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình quá 06 giờ trên biển nhưng không báo cáo vị trí theo quy định, tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 10 ngày không đưa tàu về bờ, tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 6 tháng, tàu cá vượt qua ranh giới cho phép trên biển; xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Định kỳ trước ngày 18 hàng tháng, thông báo kết quả xử lý (kèm theo phụ lục Danh sách chi tiết theo từng tàu/lượt mất kết nối cụ thể) về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư theo quy định. Cập nhật đầy đủ kết quả xử phạt vi phạm hành chính lên Hệ thống phần mềm xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 10. Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan trong việc phát hiện, đấu tranh, xác minh hành vi vô hiệu hoá, tháo gỡ bất hợp pháp, gửi thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khác; tiếp tay, vận chuyển thiết bị giám sát hành trình của tàu cá khác. Tăng cường nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật liên quan đến dữ liệu giám sát tàu cá được quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xác minh các hành vi vi phạm liên quan đến hệ thống giám sát tàu cá khi có yêu cầu.

Điều 11. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì kiểm tra chất lượng thiết bị, dịch vụ của các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá và dịch vụ vệ tinh theo quy định.

2. Chỉ đạo các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá và dịch vụ vệ tinh phối hợp thực hiện trong quá trình xác minh vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xác minh các hành vi vi phạm liên quan đến Hệ thống giám sát tàu cá khi có yêu cầu.



Điều 12. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An

1. Tiếp nhận thông tin tàu cá gặp sự cố, tai nạn trên biển từ các cơ quan.
2. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ tàu cá gặp sự cố, tai nạn trên biển theo quy định.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tiếp nhận các thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư) và các đơn vị liên quan, phối hợp kiểm tra, xác minh làm rõ vụ việc tại nơi cư trú của chủ tàu/thuyền trưởng; xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
2. Định kỳ trước ngày 18 hàng tháng, thông báo kết quả xử lý về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện hoạt động phối hợp, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các sở, ban, ngành: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc quy chế này.
3. Những nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao tại Quy chế này được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kể từ ngày kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định.
4. Những nhiệm vụ thuộc Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An được giao tại Quy chế này được chuyển giao cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An theo quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư) để tổng hợp, tham mưu đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./. 